

Bản án số: 86/2025/HC-PT
Ngày 17 tháng 01 năm 2025
V/v “Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ và tái
định cư khi Nhà nước thu hồi đất”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Huỳnh Thanh Duyên
Các Thẩm phán: ông Mai Xuân Thành
bà Lê Thị Tuyết Trinh

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Hà Văn Hiến - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 878/2024/TLPT-HC ngày 22 tháng 10 năm 2024 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 238/2024/HC-ST ngày 24 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3710/2024/QĐPT ngày 30 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn M (có mặt).

Địa chỉ: A ấp A xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền:

Ông Nguyễn Văn T - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

- Ông Nguyễn Tấn T1 – Phó trưởng phòng nghiệp vụ thực hiện dự án số B
- Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng - Ủy ban nhân dân huyện B (có mặt).

Địa chỉ: C khu phố C, thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Nguyễn Thị Thùy L – Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường
- Ủy ban nhân dân huyện B (vắng mặt).

Địa chỉ: C đường T, thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người kháng cáo: Người khởi kiện là ông Nguyễn Văn M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- * Người khởi kiện là ông Nguyễn Văn M trình bày:

Phần đất tại số A ấp A xã H, huyện B của ông Nguyễn Văn M bị thu hồi thuộc dự án đường C - L, ông M đã nhận tiền bồi thường. Trước đây ông M không đăng ký nhận nên tái định cư mà nhận hỗ trợ suất đầu tư hạ tầng, tự lo nơi ở mới nhưng do không xây dựng nhà trên đất được nên ông M có liên hệ Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng để nhận nền tái định cư.

Ngày 23/10/2017, Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng huyện B đã có buổi làm việc với ông M đề nghị ông M nộp lại tiền suất đầu tư cơ sở hạ tầng; đăng ký bốc thăm nhận nền tái định cư ngẫu nhiên. Tuy nhiên, qua tìm hiểu thì ông M cho rằng trường hợp của ông không thuộc phải bốc thăm nền ngẫu nhiên. Sau đó ông M có đơn đề nghị bố trí tái định cư tại khu tái định cư V, huyện B.

Ngày 02/6/2022, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Công văn số 2696/UBND về việc thông tin đơn của ông M, theo đó, ủy ban cho rằng trường hợp của ông M trước đây do đã chọn phương thức tái định cư tự lo nơi ở mới và đã nhận hỗ trợ suất đầu tư hạ tầng, do đó việc ông M đề nghị quay lại nhận nền tái định cư là không có cơ sở xem xét giải quyết.

Ông M cho rằng phần đất của ông bị thu hồi toàn bộ nhưng ông M không được bố trí tái định cư với lý do Ủy ban nhân dân huyện B nêu tại Công văn số 1469/UBND ngày 15/4/2021 là không có cơ sở. Do đó, ông M khởi kiện yêu cầu Tòa án:

1. Hủy Công văn số 1469/UBND ngày 15/4/2021 của Ủy ban nhân dân huyện B về việc trả lời đơn của ông Nguyễn Văn M; buộc Ủy ban nhân dân huyện B bố trí tái định cư cho ông tại khu tái định cư V, huyện B.

2. Hủy Quyết định số 2202/QĐ-UBND ngày 21/01/2014 của Ủy ban nhân dân huyện B về việc thu hồi đất do bà Nguyễn Thị T2 (chuyển nhượng giấy tay cho ông Nguyễn Văn L1 năm 2009) sử dụng tại xã H dự án đường C - L.

3. Hủy Công văn số 2051/UBND ngày 22/6/2022 của Ủy ban nhân dân huyện B về việc thông tin đơn của ông Nguyễn Văn M.

Ngày 13/3/2024, ông M có đơn rút yêu cầu hủy Quyết định số 2202/QĐ-UBND ngày 21/01/2014 của Ủy ban nhân dân huyện B về việc thu hồi đất và hủy

Công văn số 2051/UBND ngày 22/6/2022 của Ủy ban nhân dân huyện B về việc thông tin đơn của ông Nguyễn Văn M.

* Người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện B có văn bản số 1229/UBND ngày 05/4/2024 trình bày:

1. Về ban hành Công văn số 1469/UBND ngày 15 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện B:

Theo Phiếu kê khai, đất và tài sản bị ảnh hưởng trong Dự án do ông Nguyễn Văn M kê khai ngày 13 tháng 7 năm 2012 và được Ủy ban nhân dân xã H xác nhận ngày 20 tháng 9 năm 2013, nội dung sau:

“* Về đất:

1. Họ và tên chủ sử dụng đất: ông Nguyễn Văn M.

2. Địa chỉ giải tỏa: xã Hưng Long

3. Nguồn gốc, tình trạng pháp lý của lô đất: của cha là ông Nguyễn Văn D cho năm 1996. Được UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 1764 QSDĐ/Hưng Long ngày 21/6/2001 cho hộ ông Nguyễn Văn D.

4. Ông (bà) nêu trên đã sử dụng đất từ ngày: năm 1996.

5. Diện tích sử dụng theo hiện trạng: 237,5m².

- Gồm một phần thửa: 96; tờ bản đồ số: 13; theo tài liệu 02/CT-UB

Tương ứng một phần thửa: 8; tờ bản đồ số: 57; theo tài liệu bản đồ đo mới.

6. Thời điểm san lấp (nếu có) đối với thửa đất: ./.

7. Hiện trạng sử dụng đất: nhà ở, sân vườn.

8. Hiện đất có tranh chấp: Không tranh chấp.

* Về nhà (nếu có):

1. Nguồn gốc, tình trạng pháp lý của căn nhà: Nhà A tự xây dựng năm 2001.

2. Thời điểm xây dựng căn nhà và thời điểm sửa chữa, xây dựng lại (nếu có): năm 2001.

3. Mục đích sử dụng căn nhà: nhà ở.

4. Hiện căn nhà có tranh chấp: Không tranh chấp.

- Ghi chú: Trong 237,5m². Có một phần diện tích 73,1m² theo tài liệu 02/CT-UB là đường bờ Kinh T10 do Nhà nước quản lý.

- Nội dung xác nhận này thay thế nội dung xác nhận tên Phiếu kê khai nhà, đất ngày 13/7/2012 của ông Nguyễn Văn M”.

Theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 1764 QSDĐ/Hưng Long ngày 21 tháng 6 năm 2001 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho hộ ông Nguyễn Văn D, thể hiện thửa số 96, tờ bản đồ số 13, có mục đích sử dụng là đất 2L.

Theo Bản đồ hiện trạng vị trí đất số hợp đồng 01/HĐĐĐ/BBT-HL04, do Công ty TNHH Đ lập ngày 27 tháng 11 năm 2012, được Ủy ban nhân dân xã H xác nhận ngày 17 tháng 5 năm 2013, xác định phần đất ông Nguyễn Văn M đang sử dụng bị ảnh hưởng trong dự án có tổng diện tích 237,5m² thuộc một phần thửa số 96 và đường, tờ bản đồ số 13, Tài liệu 02/CT-UB, tương ứng thuộc một phần thửa số 8, tờ bản đồ số 57, Tài liệu đo mới 2005, Bộ địa chính xã H, huyện B.

Ngày 21 tháng 01 năm 2014, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 2420/QĐ-UBND về thu hồi đất do ông Nguyễn Văn M sử dụng tại xã H để thực hiện Dự án xây dựng đường C - L trên địa bàn huyện B, thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 29 tháng 9 năm 2014, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 12998/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ đối với ông Nguyễn Văn M, địa chỉ thường trú: A38/4C ấp A, xã H, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh thuộc Dự án đường C - L trên địa bàn huyện B, với tổng số tiền là 464.987.540 đồng (Bốn trăm sáu mươi bốn triệu, chín trăm tám mươi bảy ngàn, năm trăm bốn mươi đồng).

Ngày 15 tháng 10 năm 2015, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 8607/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với ông Nguyễn Văn M, địa chỉ thường trú: A38/4C ấp A, xã H, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh thuộc Dự án đường C - L trên địa bàn huyện B, với tổng số tiền là 269.742.028 đồng (Hai trăm sáu mươi chín triệu, bảy trăm bốn mươi hai ngàn, không trăm hai mươi tám đồng).

Căn cứ nguồn gốc quá trình sử dụng đất của ông Nguyễn Văn M đã được Ủy ban nhân dân xã H xác nhận, thì trường hợp của ông M đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ về nhà ở, đất ở và đủ điều kiện tái định cư (Đã được Hội đồng Bồi thường Dự án thông qua tại Biên bản số 261/BB-HĐBT ngày 04 tháng 9 năm 2014).

Căn cứ Phiếu đăng ký phương thức nhận tái định cư ngày 26 tháng 02 năm 2016 của ông Nguyễn Văn M là tự lo nơi ở mới. Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng đã tham mưu Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định 13539/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2016 về bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với ông Nguyễn Văn M, với tổng số tiền bồi thường bổ sung là: 95.999.612 đồng, trong đó, hỗ trợ chi phí suất đầu tư hạ tầng là 95.947.400 đồng, ông Nguyễn Văn M đã nhận số tiền suất đầu tư hạ tầng nêu trên vào ngày 20 tháng 01 năm 2017.

Căn cứ Khoản 8, Phần II, Chương VI của Phương án số 18/PA-HĐBT ngày 22 tháng 01 năm 2014 của Hội đồng Bồi thường dự án xây dựng đường C -L trên địa bàn huyện B đã được Ủy ban nhân dân huyện B phê duyệt tại Quyết định số 2684/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2014, có nội dung:

“8. Hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất ở phải di chuyển chỗ ở và đủ điều kiện tái định cư mà tự lo chỗ ở mới thì được hỗ trợ một khoản tiền bằng chi phí đầu tư hạ tầng/m² do Bộ X công bố; cụ thể căn cứ Công văn số 3622/UBND-ĐTMT ngày 17 tháng 7 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về xác định mức chi phí đầu tư hạ tầng để tính chi phí hỗ trợ cho các hộ gia đình,

cá nhân đủ điều kiện tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất là 809.000 đồng/m². Diện tích để tính hỗ trợ là diện tích đất ở thực tế bị thu hồi, nhưng không quá hạn mức giao đất ở theo quy định, trừ trường hợp đã được nhận khoản tiền hỗ trợ tái định cư quy định tại khoản 5 Phần này.”

Trường hợp của ông Nguyễn Văn M trước đây chọn phương thức tái định cư tự lo nơi ở mới và đã nhận tiền hỗ trợ suất đầu tư hạ tầng. Nay quay lại đề nghị nhận nền tái định cư là không có cơ sở xem xét giải quyết, do đó, Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng đã tham mưu Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Công văn số 1469/UBND ngày 15 tháng 4 năm 2021 về trả lời đơn của ông Đoàn Ngọc C là đúng quy định.

Liên quan đến nội dung ông Nguyễn Văn M yêu cầu Ủy ban nhân dân Huyện bố trí nền tái định cư, đã được Tòa án nhân dân Thành phố ban hành Bản án số 747/2022/HC-ST ngày 31 tháng 5 năm 2022, trong đó nhận định: *“Trường hợp của ông Nguyễn Văn M trước đây chọn phương thức tái định cư tự lo nơi ở mới và đã nhận tiền hỗ trợ suất đầu tư hạ tầng, do đó Ủy ban nhân dân huyện B đã thực hiện đúng quy định về tái định cư cho hộ gia đình của ông Nguyễn Văn M, nên ông M cho rằng Ủy ban nhân dân huyện B chưa xem xét tái định cư cho ông là không có căn cứ”*.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có Bản án số 732/2022/HC-PT về khiếu kiện quyết định hành chính về bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại. Theo đó, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nhận định: *“Trường hợp của ông Nguyễn Văn M trước đây chọn phương thức tái định cư tự lo nơi ở mới và đã nhận tiền hỗ trợ suất đầu tư hạ tầng, do đó Ủy ban nhân dân huyện B đã thực hiện đúng quy định về tái định cư cho hộ gia đình của ông Nguyễn Văn M, nên ông M kháng cáo cho rằng Ủy ban nhân dân huyện B chưa xem xét tái định cư cho ông là không có căn cứ”*.

2. Về ban hành Quyết định số 2202/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2014 và Công văn số 2051/UBND ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân huyện B:

Ngày 01 tháng 6 năm 2022, Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng có nhận Phiếu chuyển số 1191/PC-VP của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, trong đó, Ủy ban nhân dân huyện C ý kiến chỉ đạo: *“Giao Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng kiểm tra rà soát và báo cáo toàn bộ nội dung vụ việc cho Ủy ban nhân dân Huyện, tham mưu văn bản cho Ủy ban nhân dân Huyện P đến ông Nguyễn Văn M”*.

Theo nội dung đơn ngày 26 tháng 5 năm 2022 của ông Nguyễn Văn M trong đó, có nội dung: “...

Vậy nay tôi yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện B:

Hủy Quyết định số 2206/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2014.

Hủy Quyết định số 2202/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2014”.

2.1. Về nội dung liên quan đến Quyết định số 2206/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân huyện B về thu hồi đất do hộ ông Nguyễn Văn D (chuyên nhượng cho ông Thiều Quang N ngày 02 tháng 12 năm 2004) sử dụng đất tại xã H để thực hiện dự án đầu tư xây dựng đường B - L trên địa bàn, huyện B.

Theo bản vẽ hiện trạng vị trí 01/HĐDD/BBT-HL-24 do Công ty TNHH Đ lập ngày 27 tháng 11 năm 2012 được Ủy ban nhân dân xã H xác nhận ngày 21 tháng 11 năm 2013, vị trí khu đất do bà Nguyễn Thị M1 sử dụng ảnh hưởng Dự án thuộc một phần thửa số 96, kênh, tờ bản đồ số 13 (Tài liệu 02/CT-UB), tương ứng một phần thửa số 08, kênh, tờ bản đồ số 57 (Bản đồ địa chính), Bộ địa chính xã H, huyện B, tổng diện tích ảnh hưởng: 92,9m² (trong đó, 50,9m² theo Tài liệu 02/CT-UB là đường do Nhà nước quản lý).

Theo Phiếu kê khai nhà, đất và tài sản bị ảnh hưởng trong dự án đầu tư xây dựng đường B - L trên địa bàn, huyện B của bà Nguyễn Thị M1, được Ủy ban nhân dân xã H xác nhận ngày 15 tháng 11 năm 2013, có nội dung:

“Về đất: ...

3. Nguồn gốc, tình trạng pháp lý của lô đất: là của ông Nguyễn Văn D được UBND huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1764 ngày 21 tháng 6 năm 2001. Đến ngày 02/12/2004 ông Nguyễn Văn D lập Ủy quyền cho con là ông Nguyễn Văn M (Không có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền). cùng này ông Nguyễn Văn M chuyên nhượng quyền sử dụng đất cho ông Thiều Quang N (không có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền).

4. Ông (bà) nêu trên đã sử dụng đất từ ngày 02/12/2004.

5. Diện tích sử dụng theo hiện trạng: 92,9m².

- Gồm một phần thửa 93, tờ bản đồ số 13, theo tài liệu 02/CT-UB.

Tương ứng một phần thửa số 8, tờ bản đồ số 57, theo BĐDC.

....

Về nhà:

1 Nguồn gốc, tình trạng pháp lý của lô căn nhà: Nhà ở không số tự xây dựng không phép tháng 9/2005”.

Ngày 21 tháng 01 năm 2014, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 2206/QĐ-UBND về thu hồi đất do hộ ông Nguyễn Văn D (chuyên nhượng cho ông Thiều Quang N ngày 02 tháng 12 năm 2004) sử dụng đất tại xã H để thực hiện dự án đầu tư xây dựng đường B - L trên địa bàn, huyện B.

Ngày 16 tháng 7 năm 2014, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 9471/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Nguyễn Văn D (chuyên nhượng cho Thiều Quang N ngày 02 tháng 12 năm 2004), địa chỉ thường trú: A10/5 ấp A, xã H, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh thuộc dự án đầu tư xây dựng đường B - L trên địa bàn, huyện B, với số tiền: 19.890.000 đồng.

Ngày 10 tháng 8 năm 2015, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 6936/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với hộ ông Nguyễn Văn D (chuyển nhượng cho Thiều Quang N ngày 02 tháng 12 năm 2004), địa chỉ thường trú: A10/5 ấp A, xã H, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh thuộc dự án đầu tư xây dựng đường B - L trên địa bàn, huyện B, với số tiền: 110.146.000 đồng.

Căn cứ Thông báo số 259/TB-VP ngày 11 tháng 3 năm 2016 của Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện B về ý kiến kết luận của Thường trực Ủy ban nhân dân huyện B về cuộc họp về việc xác định chủ thể bồi thường khi qua chuyển nhượng sau ngày 01 tháng 07 năm 2004.

Ban Bồi thường đã đăng báo S 03 kỳ báo vào các ngày 04, 05, 06 tháng 10 năm 2016 đối với các trường hợp nhận chuyển nhượng, cho tặng bằng giấy tay sau ngày 01 tháng 07 năm 2004, kê khai bồi thường trong dự án đường C -L trên địa bàn huyện B, trong đó có trường hợp của hộ ông Nguyễn Văn D (chuyển nhượng cho ông Thiều Quang N ngày 02 tháng 12 năm 2004).

Ngày 25 tháng 10 năm 2016, Ban Bồi thường phối hợp với Ủy ban nhân dân xã H tổ chức niêm yết công khai thông tin đăng báo liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ trong Dự án xây dựng đường cao tốc B - L trên địa bàn huyện B đối với trường hợp hộ ông Nguyễn Văn D (chuyển nhượng cho ông Thiều Quang N ngày 02 tháng 12 năm 2004) kê khai bồi thường trong dự án (đính kèm công văn số 6309/TB-BBT ngày 27 tháng 9 năm 2016) thời hạn niêm yết 20 ngày, địa điểm niêm yết trụ sở Ủy ban nhân dân xã H. Đến ngày 25 tháng 11 năm 2016, Ban Bồi thường phối hợp với Ủy ban nhân dân xã H kết thúc thời hạn niêm yết công khai thông tin đăng báo 20 ngày, kết quả Ủy ban nhân dân xã H và Ban Bồi thường không nhận được đơn, ý kiến tranh chấp, khiếu nại.

Ngày 17 tháng 02 năm 2017, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành số 3000/QĐ-UBND về điều chỉnh Quyết định số 2206/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân huyện B, có nội dung:

Từ: “*Nay thu hồi đất do hộ ông Nguyễn Văn D (chuyển nhượng cho ông Thiều Quang N ngày 02 tháng 12 năm 2004) sử dụng, địa chỉ thường trú: A10/5 ấp A, xã H, huyện B*”.

T3: “*Nay thu hồi đất do ông Thiều Quang N (đã chết) bà Nguyễn Thị M1 đại diện kê khai (gia đình chưa lập thủ tục khai nhận di sản thừa kế theo quy định) sử dụng, địa chỉ thường trú: H B, phường A, quận H, thành phố Hồ Chí Minh*”.

Ngày 27 tháng 7 năm 2017, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 9919/QĐ-UBND về điều chỉnh chủ thể, địa chỉ thường trú Quyết định số 9471/QĐ-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2014 và Quyết định số 6936/QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2015 của Ủy ban nhân dân huyện B, tại Điều 1 có nội dung:

- Điều chỉnh chủ thể của quyết định:

Từ: “*ông Nguyễn Văn D (chuyển nhượng cho ông Thiều Quang N ngày 02 tháng 12 năm 2004)*”.

T3: “*ông Thiều Quang N (đã chết) bà Nguyễn Thị M1 đại diện*

kê khai (gia đình chưa lập thủ tục khai nhận di sản thừa kế theo quy định)”.

- Điều chỉnh địa chỉ của quyết định:

Từ: “*địa chỉ thường trú: A10/5 ấp A, xã H, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh*”

Thành: “*địa chỉ thường trú: 80 B, phường A, quận H, thành phố Hồ Chí Minh*”.

Ngày 20 tháng 3 năm 2017, bà Nguyễn Thị M1 ký biên bản bàn giao mặt bằng cho Nhà nước. Ngày 07 tháng 12 năm 2017, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 13941/QĐ-UBND về khen thưởng đối với ông Thiệu Quang N (đã chết) bà Nguyễn Thị M1 đại diện kê khai (gia đình chưa lập thủ tục khai nhận di sản thừa kế theo quy định), bà Nguyễn Thị M1 chưa nhận tiền bồi thường, hỗ trợ theo các quyết định nêu trên.

Như vậy, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành quyết định thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ cho ông Thiệu Quang N (đã chết) bà Nguyễn Thị M1 đại diện kê khai (gia đình chưa lập thủ tục khai nhận di sản thừa kế theo quy định) đối với phần nhà, đất bị ảnh hưởng trong Dự án đảm bảo theo các cơ sở pháp lý nêu trên.

2.2 Về nội dung liên quan đến Quyết định số 2202/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân huyện B về thu hồi đất do bà Nguyễn Thị T2 (chuyên nhượng cho ông Nguyễn Văn L1 năm 2009) sử dụng đất tại xã H để thực hiện dự án đầu tư xây dựng đường B - L trên địa bàn, huyện B.

Theo bản vẽ hiện trạng vị trí 01/HĐĐĐ/BBT-HL-168 do Công ty TNHH Đ lập ngày 22 tháng 8 năm 2013 được Ủy ban nhân dân xã H xác nhận, vị trí khu đất do ông Nguyễn Văn L1 sử dụng ảnh hưởng Dự án thuộc một phần thửa số 96, kênh, đường, tờ bản đồ số 13 (Tài liệu 02/CT-UB), tương ứng một phần thửa số 08, kênh, tờ bản đồ số 57 (Bản đồ địa chính), Bộ địa chính xã H, huyện B, tổng diện tích ảnh hưởng: 93,0m² (trong đó, 38.5m² và 14.5m² theo Tài liệu 02/CT-UB là kênh, đường do Nhà nước quản lý).

Theo Phiếu kê khai nhà, đất và tài sản bị ảnh hưởng trong dự án đầu tư xây dựng đường B - L trên địa bàn, huyện B của ông Nguyễn Văn L1 ngày 30 tháng 8 năm 2012, được Ủy ban nhân dân xã H xác nhận ngày 17 tháng 7 năm 2014, có nội dung:

“*Về đất:...*”

3. *Nguồn gốc, tình trạng pháp lý của lô đất: là của ông Nguyễn Văn D được UBND huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1764 ngày 21 tháng 6 năm 2001. Sau đó ông Nguyễn Văn D đã chuyển nhượng qua các thời kỳ không có giấy chuyển nhượng. Chủ sử dụng sau cùng là bà Nguyễn Thị T2. Đến năm 2009 bà Nguyễn Thị T2 chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Văn L1 bằng giấy tờ do các bên tự thỏa thuận (không có chứng thực của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền).*

4. *Ông (bà) nêu trên đã sử dụng đất từ ngày: năm 2009.*

5. Diện tích sử dụng theo hiện trạng: 93m².

- Gồm một phần thửa 96, tờ bản đồ số 13, theo tài liệu 02/CT-UB.

Tương ứng một phần thửa số 8, tờ bản đồ số 57, theo BDDC.

....

Về nhà:

1 Nguồn gốc, tình trạng pháp lý của lô căn nhà: Nhà ở không số tự xây dựng không phép tháng 9/2005”.

Ngày 21 tháng 01 năm 2014, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 2202/QĐ-UBND về thu hồi đất do bà Nguyễn Thị T2 (chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn L1 năm 2009) sử dụng đất tại xã H để thực hiện dự án đầu tư xây dựng đường B - L trên địa bàn, huyện B.

Ngày 29 tháng 8 năm 2014, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 11699/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ đối với bà Nguyễn Thị T2 (chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn L1 năm 2009), địa chỉ thường trú: 44 Rạch L, phường G, quận H, thành phố Hồ Chí Minh thuộc dự án đầu tư xây dựng đường B - L trên địa bàn, huyện B, với số tiền: 16.776.000 đồng.

Căn cứ Thông báo số 259/TB-VP ngày 11 tháng 3 năm 2016 của Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện B về ý kiến kết luận của Thường trực Ủy ban nhân dân huyện B về cuộc họp về việc xác định chủ thể bồi thường khi qua chuyển nhượng sau ngày 01 tháng 07 năm 2004.

Ban Bồi thường đã đăng báo S 03 kỳ báo vào các ngày 04, 05, 06 tháng 10 năm 2016 đối với các trường hợp nhận chuyển nhượng, cho tặng bằng giấy tay sau ngày 01 tháng 07 năm 2004, kê khai bồi thường trong dự án đường C -L trên địa bàn huyện B, trong đó có trường hợp của bà Nguyễn Thị T2 (chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn L1 năm 2009).

Ngày 25 tháng 10 năm 2016, Ban Bồi thường phối hợp với Ủy ban nhân dân xã H tổ chức niêm yết công khai thông tin đăng báo liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ trong Dự án xây dựng đường cao tốc B - L trên địa bàn huyện B đối với trường hợp bà Nguyễn Thị T2 (chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn L1 năm 2009) kê khai bồi thường trong dự án (đính kèm công văn số 6309/TB-BBT ngày 27 tháng 9 năm 2016) thời hạn niêm yết 20 ngày, địa điểm niêm yết trụ sở Ủy ban nhân dân xã H. Đến ngày 25 tháng 11 năm 2016, Ban Bồi thường phối hợp với Ủy ban nhân dân xã H kết thúc thời hạn niêm yết công khai thông tin đăng báo 20 ngày, kết quả Ủy ban nhân dân xã H và Ban Bồi thường không nhận được đơn, ý kiến tranh chấp, khiếu nại.

Ngày 17 tháng 02 năm 2017, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành số 2999/QĐ-UBND về điều chỉnh Quyết định số 2202/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân huyện B, có nội dung:

Từ: “*Nay thu hồi đất do bà Nguyễn Thị T2 (chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn L1 năm 2009) sử dụng, địa chỉ thường trú: D Rạch L, phường G, quận H, thành phố H*”.

T3: “*Nay thu hồi đất do ông Nguyễn Văn L1 sử dụng, địa chỉ thường trú: F N, phường B, quận D, thành phố Hồ Chí Minh*”.

Ngày 23 tháng 2 năm 2017, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 3206/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với bà Nguyễn Thị T2 (chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn L1 năm 2009), địa chỉ thường trú: 44 Rạch L, phường G, quận H, thành phố Hồ Chí Minh thuộc dự án đầu tư xây dựng đường B - L trên địa bàn, huyện B, với số tiền: 102.564.300 đồng

Ngày 27 tháng 7 năm 2017, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 9918/QĐ-UBND về điều chỉnh chủ thể, địa chỉ thường trú Quyết định số 11699/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2014 và Quyết định số 3206/QĐ-UBND ngày 23 tháng 2 năm 2017 của Ủy ban nhân dân huyện B, tại Điều 1 có nội dung:

- Điều chỉnh chủ thể của quyết định:

Từ: “*bà Nguyễn Thị T2 (chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn L1 năm 2009)*”.

T3: “*ông Nguyễn Văn L1*”.

- Điều chỉnh địa chỉ của quyết định:

Từ: “*D Rạch L, phường G, quận H, thành phố Hồ Chí Minh*”

Thành: “*địa chỉ thường trú: F N, phường B, quận D, thành phố Hồ Chí Minh*”.

Ngày 29 tháng 3 năm 2017, ông Nguyễn Văn L1 ký biên bản bàn giao mặt bằng cho Nhà nước. Ngày 27 tháng 12 năm 2017, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 14630/QĐ-UBND về khen thưởng đối với ông Nguyễn Văn L1, ông Nguyễn Văn L1 chưa nhận tiền bồi thường, hỗ trợ theo các quyết định nêu trên.

Như vậy, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành quyết định thu hồi đất bồi thường, hỗ trợ đối với phần nhà, đất của ông Nguyễn Văn L1 bị ảnh hưởng trong Dự án đảm bảo theo các cơ sở pháp lý nêu trên.

Từ cơ sở trên, Ủy ban nhân dân Huyện đã ban hành Quyết định số 2202/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân huyện B về thu hồi đất do bà Nguyễn Thị T2 (chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn L1 năm 2009) sử dụng đất tại xã H để thực hiện dự án đầu tư xây dựng đường B - L trên địa bàn, huyện B đảm bảo theo quy định và Ủy ban nhân dân Huyện ban hành Công văn số 2051/UBND ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện B về thông tin nội dung đơn của ông Nguyễn Văn M là đúng quy định.

3. Kiến nghị

Từ những cơ sở trên, Ủy ban nhân dân huyện B đã ban hành Công văn số 1469/UBND ngày 15 tháng 4 năm 2021 và Công văn số 2051/UBND ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện B về trả lời đơn cho ông Nguyễn Văn M và Quyết định số 2202/UBND ngày 21 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân huyện B về thu hồi đất do bà Nguyễn Thị T2 (chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn L1 năm 2009) sử dụng đất tại xã H để thực hiện dự án đầu tư xây dựng đường B - L trên địa bàn, huyện B là đúng quy định.

Ủy ban nhân dân huyện B kính đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố không công nhận toàn bộ nội dung khởi kiện của ông Nguyễn Văn M yêu cầu hủy Công văn số 1469/UBND ngày 15 tháng 4 năm 2021 và Công văn số 2051/UBND ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện B và Quyết định số 2202/UBND ngày 21 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân huyện B.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm 238/2024/HC-ST ngày 24 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Khoản 3 Điều 32; Khoản 1, điểm a Khoản 2, điểm a Khoản 3 Điều 116; điểm b; g khoản 1 Điều 143; Khoản 1 Điều 157; Điểm a Khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều, khoản của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M yêu cầu hủy Quyết định số 2202/QĐ-UBND ngày 21/01/2014 của Ủy ban nhân dân huyện B về việc thu hồi đất và Công văn số 2051/UBND ngày 22/6/2022 của Ủy ban nhân dân huyện B về việc thông tin đơn của ông Nguyễn Văn M.

2. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông M yêu cầu hủy Công văn số 1469/UBND ngày 15/4/2021 của Ủy ban nhân dân huyện B về việc trả lời đơn của ông Nguyễn Văn M và yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân huyện B bố trí tái định cư cho ông tại khu tái định cư V, huyện B.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/7/2024, người khởi kiện là ông Nguyễn Văn M kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn M trình bày: Ông M kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Ông Nguyễn Tấn T1 trình bày: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác kháng cáo của ông M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Căn cứ Phiếu đăng ký phương thức nhận tái định cư ngày 26 tháng 02 năm 2016 của ông Nguyễn Văn M là tự nguyện chọn phương thức nhận tiền và tự lo nơi ở mới. Ngày 20 tháng 01 năm 2017, ông M đã nhận tiền đầu tư cơ sở hạ tầng tuy nhiên sau đó ông M đề nghị thay đổi phương thức tái định cư thành nhận tiền nên tái định cư. Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng huyện B đã có buổi làm việc với ông M ngày 23/10/2017 đề nghị ông M nộp lại tiền suất đầu tư cơ sở hạ tầng; đăng ký bóc thăm nhận nên tái định cư ngẫu nhiên nhưng ông M không bóc thăm theo cam kết tại biên bản làm việc ngày 23/10/2017 mà đề nghị bố trí tái định cư tại khu tái định cư V, huyện B. Như vậy lỗi không bóc thăm nhận nên là do ông M không phải lỗi của Ủy ban nhân dân huyện B. Bên cạnh đó tại Bản án phúc thẩm số 732/2022/HC-PT ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nhận định: “Trường hợp của ông Nguyễn Văn M trước đây chọn phương thức tái định cư tự lo nơi ở mới và đã nhận tiền hỗ trợ suất đầu tư hạ tầng, do đó Ủy ban nhân dân huyện B đã thực hiện đúng quy định về tái định cư cho hộ gia đình của ông Nguyễn Văn M”. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 79 của Luật Tố tụng hành chính là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh. Do đó việc tái định cư của ông M đã được thực hiện đúng quy định của pháp luật nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu bố trí nên tái định cư tại khu tái định cư V, huyện B. Bản án sơ thẩm tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M là có căn cứ, đúng pháp luật. Ông M kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới làm thay đổi nội dung vụ án và nhận định như bản án sơ thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015 bác kháng cáo của ông Nguyễn Văn M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến tranh luận của các bên đương sự, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát:

[1] Về tố tụng:

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay người bị kiện đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 225 Luật tố tụng hành chính xét xử vắng mặt người bị kiện.

Về thẩm quyền giải quyết: Ông M yêu cầu hủy Công văn số 1469/UBND ngày 15/4/2021 của Ủy ban nhân dân huyện B về việc trả lời đơn của ông Nguyễn Văn M; buộc Ủy ban nhân dân huyện B bố trí tái định cư cho ông tại khu tái định cư V, huyện B. Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã thụ lý vụ án đúng

thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30; khoản 3, 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

Về thời hiệu khởi kiện: Ông M khai nhận được Công văn số 1469/UBND ngày 15/4/2021 vào tháng 7/2023. Ủy ban nhân dân huyện B không có tài liệu nào chứng minh thời điểm giao Công văn số 1469/UBND cho ông M là khi nào, nên Tòa án xác định thời điểm ông M biết được Công văn số 1469/UBND là tháng 7/2023. Cùng thời điểm tháng 7/2023, ông M nộp đơn khởi kiện đến Tòa án là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung:

Về nguồn gốc đất: Phần đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1764/QSDĐ/Hung Long ngày 21/6/2001 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho hộ ông Nguyễn Văn D thửa số 96, tờ bản đồ số 13, có mục đích là đất 2L. Đến năm 2004, ông D lập ủy quyền cho con là ông Nguyễn Văn M, diện tích 237,5m² (có một phần diện tích 73,1m² theo Tài liệu 02/CY-UB là đường bờ Kinh T10 do Nhà nước quản lý).

Theo Bản đồ hiện trạng vị trí đất số hợp đồng 01/HĐĐĐ/BBT-HL04, do Công ty TNHH Đ lập ngày 27 tháng 11 năm 2012, được Ủy ban nhân dân xã H xác nhận ngày 17 tháng 5 năm 2013, xác định phần đất ông Nguyễn Văn M đang sử dụng bị ảnh hưởng trong dự án có tổng diện tích 237,5m² thuộc một phần thửa số 96 và đường, tờ bản đồ số 13, Tài liệu 02/CT-UB, tương ứng thuộc một phần thửa số 8, tờ bản đồ số 57, Tài liệu đo mới 2005, Bộ địa chính xã H, huyện B.

Ngày 21 tháng 01 năm 2014, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 2420/QĐ-UBND về thu hồi đất do ông Nguyễn Văn M sử dụng tại xã H để thực hiện Dự án xây dựng đường C - L trên địa bàn huyện B, thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 29 tháng 9 năm 2014, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 12998/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ đối với ông Nguyễn Văn M, địa chỉ thường trú: A38/4C ấp A, xã H, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh thuộc Dự án đường C - L trên địa bàn huyện B, với tổng số tiền là 464.987.540 đồng (Bốn trăm sáu mươi bốn triệu, chín trăm tám mươi bảy ngàn, năm trăm bốn mươi đồng).

Ngày 15 tháng 10 năm 2015, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 8607/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với ông Nguyễn Văn M, địa chỉ thường trú: A38/4C ấp A, xã H, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh thuộc Dự án đường C - L trên địa bàn huyện B, với tổng số tiền là 269.742.028 đồng (Hai trăm sáu mươi chín triệu, bảy trăm bốn mươi hai ngàn, không trăm hai mươi tám đồng).

Căn cứ nguồn gốc quá trình sử dụng đất của ông Nguyễn Văn M đã được Ủy ban nhân dân xã H xác nhận, thì trường hợp của ông M đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ về nhà ở, đất ở và đủ điều kiện tái định cư (Đã được Hội đồng Bồi thường Dự án thông qua tại Biên bản số 261/BB-HĐBT ngày 04 tháng 9 năm 2014).

Căn cứ Phiếu đăng ký phương thức nhận tái định cư ngày 26 tháng 02 năm 2016 của ông M là tự lo nơi ở mới. Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng đã tham mưu Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định 13539/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2016 về bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với ông M, với tổng số tiền bồi thường bổ sung là: 95.999.612 đồng, trong đó, hỗ trợ chi phí suất đầu tư hạ tầng là 95.947.400 đồng, ông Nguyễn Văn M đã nhận số tiền suất đầu tư hạ tầng nêu trên vào ngày 20 tháng 01 năm 2017.

Căn cứ khoản 8, Phần II, Chương VI của Phương án số 18/PA-HĐBT ngày 22 tháng 01 năm 2014 của Hội đồng Bồi thường dự án xây dựng đường C - L trên địa bàn huyện B đã được Ủy ban nhân dân huyện B phê duyệt tại Quyết định số 2684/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2014, có nội dung:

“8. Hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất ở phải di chuyển chỗ ở và đủ điều kiện tái định cư mà tự lo chỗ ở mới thì được hỗ trợ một khoản tiền bằng chi phí đầu tư hạ tầng/m² do Bộ X công bố; cụ thể căn cứ Công văn số 3622/UBND-ĐTMT ngày 17 tháng 7 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về xác định mức chi phí đầu tư hạ tầng để tính chi phí hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất là 809.000 đồng/m². Diện tích để tính hỗ trợ là diện tích đất ở thực tế bị thu hồi, nhưng không quá hạn mức giao đất ở theo quy định, trừ trường hợp đã được nhận khoản tiền hỗ trợ tái định cư quy định tại khoản 5 Phần này.”

Ngoài ra, theo Thông báo số 19/TB – BCĐBT ngày 25/02/2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố H về giải quyết một số vướng mắc về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn huyện B cũng xác định không chấp thuận cho thay đổi phương thức tái định cư đối với các hộ dân xin thay đổi phương thức tái định cư nằm ngoài số lượng nền tái định cư đã được Ủy ban nhân dân Thành phố H chấp thuận theo Văn bản số 1355/UBND ngày 17/3/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Mặt khác, tại phần nội dung của Bản án hành chính phúc thẩm số 732/HC-PT ngày 06/9/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh về vụ án khởi kiện Quyết định thu hồi, bồi thường do ông M khởi kiện cũng nhận định: *“Trường hợp của ông Nguyễn Văn M trước đây chọn phương thức tái định cư tự lo nơi ở mới và đã nhận đủ tiền hỗ trợ suất đầu tư hạ tầng, do đó về tái định cư của ông M, Ủy ban nhân dân huyện B đã thực hiện theo đúng quy định”*.

Như vậy, do trước đây ông M đã chọn phương thức tái định cư tự lo nơi ở mới và đã nhận đủ tiền hỗ trợ suất đầu tư hạ tầng, nay ông M yêu cầu được bố trí tái định cư là không có căn cứ, do đó Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện của ông M là có căn cứ. Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất quan điểm đại diện Viện kiểm sát cấp cao, bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn M phải chịu 300.000 đồng án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Văn M. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 238/2024/HC-ST ngày 24/6/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Khoản 3 Điều 32; Khoản 1, điểm a Khoản 2, điểm a Khoản 3 Điều 116; điểm b; g khoản 1 Điều 143; Khoản 1 Điều 157; Điểm a Khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều, khoản của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M yêu cầu hủy Quyết định số 2202/QĐ-UBND ngày 21/01/2014 của Ủy ban nhân dân huyện B về việc thu hồi đất và Công văn số 2051/UBND ngày 22/6/2022 của Ủy ban nhân dân huyện B về việc thông tin đơn của ông Nguyễn Văn M.

2. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông M yêu cầu hủy Công văn số 1469/UBND ngày 15/4/2021 của Ủy ban nhân dân huyện B về việc trả lời đơn của ông Nguyễn Văn M và yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân huyện B bố trí tái định cư cho ông tại khu tái định cư V, huyện B.

3. Về án phí:

3.1. Án phí hành chính sơ thẩm: ông Nguyễn Văn M phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hành chính sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0001207 ngày 20/12/2023 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông M đã nộp đủ tiền án phí hành chính sơ thẩm.

3.2. Án phí hành chính phúc thẩm: ông Nguyễn Văn M phải chịu 300.000 đồng án phí, được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0005469 ngày 08 tháng 7 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP.Hồ Chí Minh; (1)
- TAND TP.Hồ Chí Minh; (1)
- VKSND TP.Hồ Chí Minh; (1)
- Cục THADS TP.Hồ Chí Minh; (1)
- Người khởi kiện; (1)
- Người bị kiện; (3)
- Lưu VT (5), HS (2) (BA- Tâm).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thanh Duyên

